

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP HỆ VĂN BẰNG  
ĐẠI HỌC THỨ HAI CHÍNH QUY LỚP K18A,B,C (đợt 4)

| TT | Mã sinh viên | Họ tên                 | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Lớp quản lý | Số TCTL | Điểm TBTL | Điểm TBTL Hệ 4 | Xếp loại | Ngành tốt nghiệp   |
|----|--------------|------------------------|------------|------------|-----------|---------|-----------|-------------|---------|-----------|----------------|----------|--------------------|
| 1  | K18ACQ008    | Lê Nguyễn Nhật Anh     | 29/09/1995 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | K18ACQ      | 107     | 7.69      | 3.14           | Khá      | Ngành Luật         |
| 2  | K18BCQ010    | Phạm Quốc Hưng         | 23/10/1991 | Quảng Ninh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | K18BCQ      | 107     | 7.19      | 2.77           | Khá      | Ngành Luật         |
| 3  | K18CCQ001    | Nguyễn Đức Hải         | 03/10/1983 | Thái Bình  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 107     | 7.66      | 3.14           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |
| 4  | K18CCQ032    | Thái Thị Hiền          | 03/04/1995 | Lai Châu   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 107     | 7.43      | 2.95           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |
| 5  | K18CCQ007    | Nguyễn Bá Hoàng        | 29/03/1991 | Hưng Yên   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 107     | 7.75      | 3.17           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |
| 6  | K18CCQ059    | Đặng Thị Thu Huyền     | 18/08/1977 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 107     | 7.72      | 3.16           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |
| 7  | K18CCQ005    | Đỗ Đức Kiên            | 15/09/1976 | Hưng Yên   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 107     | 7.73      | 3.12           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |
| 8  | K18CCQ057    | Trần Đăng Tiến         | 31/01/1991 | Nam Định   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 107     | 7.28      | 2.87           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |
| 9  | K18CCQ002    | Nguyễn Thị Huyền Trang | 13/12/1993 | Hưng Yên   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 112     | 7.74      | 3.11           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |
| 10 | K18CCQ062    | Phan Huy Tùng          | 20/08/1994 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | K18CCQ      | 107     | 7.36      | 2.98           | Khá      | Ngành Luật kinh tế |

CÁN BỘ CNTT PHÒNG ĐTDH

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Hoài Điệp

Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Hữu Tuấn